

Số: 11 /2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 02 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 01/TTr-STC ngày 05/01/2015 và Công văn số 387/STC-QLGCS ngày 05/02/2015 về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và mức đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 221/BC-STP ngày 18/12/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và mức đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Thuế các huyện, thành phố căn cứ vào mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng

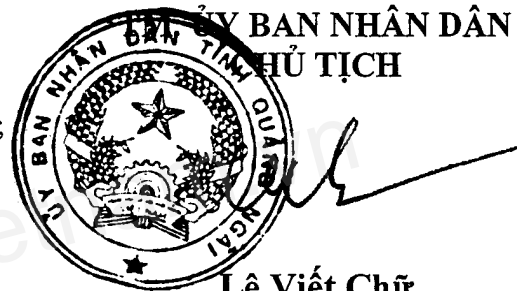
năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và mức đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Quyết định này và chính sách của Nhà nước về thu tiền thuê đất để xác định đơn giá thuê đất, ký hợp đồng thuê đất và thu tiền thuê đất đối với tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 21/7/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, Các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHbha62.



**QUY ĐỊNH**

**Về mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và mức đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*(Kèm theo Quyết định số 11 /2015/QĐ-UBND ngày 17/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

**Điều 1. Mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá**

1. Tại các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi và thị trấn các huyện:

a) Tại thành phố Quảng Ngãi (trừ phường Trương Quang Trọng và Khu công nghiệp Quảng Phú):

a.1/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 1: Tính bằng 1,7% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.2/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 2: Tính bằng 1,65% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.3/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 3: Tính bằng 1,6% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.4/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 4: Tính bằng 1,55% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.5/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 5: Tính bằng 1,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.6/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 6: Tính bằng 1,45% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.7/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường đất có mặt cắt rộng từ 5 m trở lên: Tính bằng 1,4% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.8/ Đất tại các vị trí khác còn lại không thuộc các trường hợp trên (Từ điểm a.1 đến điểm a.7 và trừ điểm a.9, điểm a.10 khoản này): Tính bằng 1,35% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

a.9/ Đất tại vị trí 2 thuộc đường phố từ loại 1 đến loại 6 thuộc các phường của thành phố Quảng Ngãi: Tính bằng 90% tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất theo loại đường phố.

a.10/ Đất tại vị trí 3 thuộc đường phố từ loại 1 đến loại 6 thuộc các phường của thành phố Quảng Ngãi: Tính bằng 80% tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất theo loại đường phố.

b) Tại phường Trương Quang Trọng và thị trấn các huyện đồng bằng (trừ thị trấn Chợ Chùa được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này):

b.1/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 1: Tính bằng 1,7% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

b.2/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 2: Tính bằng 1,65% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

b.3/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 3: Tính bằng 1,6% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

c) Tại thị trấn Chợ Chùa và thị trấn các huyện miền núi:

c.1/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 1: Tính bằng 1,35% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

c.2/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 2: Tính bằng 1,3% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

c.3/ Đất mặt tiền (vị trí 1) đường phố loại 3: Tính bằng 1,25% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

2. Mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp; các xã: Nghĩa Đồng, Nghĩa Dũng thuộc thành phố Quảng Ngãi và các xã thuộc huyện đồng bằng (trừ các xã miền núi và các xã bãi ngang ven biển được quy định tại khoản 3 Điều này) tính bằng 1% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

3. Mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá tính bằng 0,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê, áp dụng cho:

a) Khu kinh tế Dung Quất.

b) Huyện Lý Sơn, huyện Sơn Tịnh, các xã thuộc huyện Nghĩa Hành, các xã thuộc huyện Bình Sơn, các xã bãi ngang ven biển, các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng và các xã thuộc huyện miền núi.

c) Phần diện tích đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

d) Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư.

## **Điều 2. Mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất)**

1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: Tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

**Điều 3. Quy định đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai**

1. Đối với trường hợp thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng có địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; phần diện tích đất có mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất có mặt nước sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư: Tính bằng 50% đơn giá thuê đất của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

2. Đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này: Tính bằng 70% đơn giá thuê đất của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

**Điều 4. Cơ quan xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, số tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; số tiền thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và số tiền thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai**

1. Trường ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất xác định đơn giá thuê đất, số tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; số tiền thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và số tiền thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai đối với phần diện tích đất đã giao một lần cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

2. Thủ trưởng cơ quan Thuế xác định đơn giá thuê đất, số tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; số tiền thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và số tiền thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 5. Xử lý trường hợp phát sinh vướng mắc**

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để được xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

